

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số: 0391/Deloitte-AUDHOM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều Hành
Ngân hàng TMCP An Bình

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính riêng") của Ngân hàng TMCP An Bình (gọi tắt là "Ngân hàng") được lập ngày 27 tháng 03 năm 2013 từ trang 4 đến trang 57. Các báo cáo tài chính riêng kèm theo không phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Điều Hành và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Điều Hành tại trang 1 và 2, Ban Điều Hành Ngân hàng có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, báo cáo kiểm toán này được phát hành ngày 25 tháng 02 năm 2012 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính riêng không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng liên quan đến các số liệu và thông tin trình bày trên báo cáo tài chính riêng. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Điều Hành cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính riêng. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam.



Lê Đình Tú
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0488/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 27 tháng 03 năm 2013
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Thị Kim Khánh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0395/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 02/TCTD

Đơn vị: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	Thuyết minh		
		31/12/2012	31/12/2011
TAI SẢN			
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	5	382.092	465.014
Tiền gửi tại NHNN	6	1.975.390	823.202
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	7	10.815.839	7.842.420
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác	7.1	6.305.872	7.634.872
Cho vay các TCTD khác	7.2	4.509.967	209.116
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác	10	-	(1.568)
Chứng khoán kinh doanh		1.810	3.257
Chứng khoán kinh doanh	8	4.711	11.123
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	8	(2.901)	(7.866)
Các công cụ tài chính phải sinh và các tài sản tài chính khác		1.629	-
Cho vay khách hàng		18.342.169	19.597.646
Cho vay khách hàng	9	18.755.777	19.915.501
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10	(413.608)	(317.855)
Chứng khoán đầu tư	11	6.788.692	6.649.131
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	11.1	1.618.714	311.938
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	11.2	5.244.140	6.387.751
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	11.3	(74.162)	(50.558)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	12	516.950	519.380
Đầu tư vào công ty con	12.1	200.000	200.000
Đầu tư vào công ty liên kết	12.2	54.281	55.605
Đầu tư dài hạn khác	12.3	268.039	268.039
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	12.4	(5.370)	(4.264)
Tài sản cố định		806.457	715.461
Tài sản cố định hữu hình	13	556.812	541.000
a. Nguyên giá TSCĐ	13	728.988	679.527
b. Hao mòn TSCĐ	13	(172.176)	(138.527)
Tài sản cố định vô hình	14	249.645	174.461
a. Nguyên giá TSCĐ	14	315.378	222.273
b. Hao mòn TSCĐ	14	(65.733)	(47.812)
Tài sản Có khác	15	6.535.281	5.010.243
Các khoản phải thu	15.1	4.095.218	4.198.794
Các khoản lãi, phí phải thu		1.041.741	640.501
Tài sản Có khác	15.2	1.476.247	224.826
Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	15.3	(77.925)	(53.878)
TỔNG TÀI SẢN		46.166.309	41.625.754

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	MẪU B 02/TCTD	
		31/12/2012	31/12/2011
NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	16	-	1.212.376
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác		6.996.645	9.458.785
Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	17	3.800.787	9.359.675
Vay các tổ chức tín dụng khác	18	3.195.858	99.110
Tiền gửi của khách hàng	19	28.939.817	20.351.233
Các công cụ tài chính phải sinh và các khoản nợ tài chính khác	20	-	9.347
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	21	75.602	51.270
Phát hành giấy tờ có giá	22	4.624.036	5.239.916
Các khoản nợ khác		667.873	591.168
Các khoản lãi, phí phải trả		595.520	480.541
Các khoản phải trả và công nợ khác	23	48.804	86.937
Dự phòng rủi ro khác (Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng)	10	23.549	23.690
Tổng nợ phải trả		41.303.973	36.914.095
Vốn và các quỹ	25	4.862.336	4.711.659
Vốn của tổ chức tín dụng	25	4.223.158	4.223.158
a. Vốn điều lệ	25.1	4.200.000	4.200.000
b. Thặng dư vốn cổ phần	25.1	204.299	204.299
c. Cổ phiếu quỹ	25.1	(181.141)	(181.141)
Quỹ của tổ chức tín dụng	25.2	269.873	167.304
Lợi nhuận chưa phân phối	25.1	369.305	321.197
Tổng vốn chủ sở hữu	25	4.862.336	4.711.659
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		46.166.309	41.625.754

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CĂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

	31/12/2012	31/12/2011
	Triệu đồng	Triệu đồng
Bảo lãnh tài chính	822,680	842,622
Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng	1,429,527	876,926
Bảo lãnh khác	1,140,755	1,063,542
Cam kết giao dịch mua hối đoái giao ngay	3	2,747
Cam kết giao dịch bán hối đoái giao ngay	3	2,692
Cam kết giao dịch mua ngoại tệ có kỳ hạn	116,683	-
Cam kết giao dịch bán ngoại tệ có kỳ hạn	116,481	-
Cam kết giao dịch hoán đổi tiền tệ	833,253	1,384,173
	4,459,385	4,172,702


Ông Nguyễn Công Anh
Trưởng Phòng Kế toán Tổng hợp
và Thống kê


Ông Bùi Quốc Việt
Kế toán trưởng


Ông Phạm Duy Hiếu
Quyền Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 03 năm 2013



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 03/TCTD

Đơn vị: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	Thuyết minh		
		2012	2011
Thu từ lãi và các khoản thu nhập có tính chất lãi	26	4.649.672	5.053.143
Chi phí lãi và các khoản chi phí có tính chất lãi	27	(2.980.993)	(3.223.598)
Thu thuần từ lãi và các khoản thu nhập có tính chất lãi		1.668.679	1.829.545
Thu nhập từ các khoản phí và hoa hồng	28	160.396	181.305
Chi phí cho các khoản phí và hoa hồng	28	(61.599)	(170.650)
Thu thuần từ các khoản phí và hoa hồng	28	98.797	10.655
Lỗ thuần từ kinh doanh ngoại hối	29	(30.461)	(14.743)
Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	30	395	(4.839)
Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	31	(3.444)	(54.908)
Thu nhập hoạt động kinh doanh khác		8.957	4.928
Chi phí hoạt động khác		(5.476)	(3.421)
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác		3.481	1.507
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	32	20.212	62.678
Chi phí quản lý doanh nghiệp	33	(1.095.221)	(859.401)
Thu nhập thuần trước dự phòng cho các khoản lỗ tín dụng		662.438	970.494
Dự phòng cho các khoản lỗ tín dụng		(170.490)	(570.017)
Lợi nhuận trước thuế		491.948	400.477
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34	(119.252)	(86.566)
Lợi nhuận sau thuế		372.696	313.911


Ông Nguyễn Công Anh
Trưởng Phòng Kế toán Tổng hợp
và Thống kê


Ông Bùi Quốc Việt
Kế toán trưởng




Ông Phạm Duy Hiếu
Quyền Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 04/TCTD
Đơn vị: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	2012	2011
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	4.248.432	4.747.602
Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự đã trả	(2.866.014)	(3.126.752)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	98.797	10.656
Chênh lệch số tiền thực chi từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ	(38.475)	(23.827)
Thu nhập khác	(3.631)	1.339
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	6.920	51
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(1.040.907)	(916.701)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	(141.585)	(105.995)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động	263.537	586.373
Biến động các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác	(1.579.647)	(2.309.673)
Biến động các khoản vay kinh doanh chứng khoán	(56.753)	(3.335.561)
Biến động các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	(1.629)	2.238
Biến động các khoản cho vay khách hàng	1.159.724	(38.603)
Biến động nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản (tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn)	(52.842)	(469.747)
Biến động khác về tài sản hoạt động	(1.138.945)	(1.087.636)
Lưu chuyển tiền thuần trước thay đổi về nợ ngắn hạn	(1.406.555)	(6.652.609)
Biến động các khoản nợ Chính phủ và NHNN	(1.212.376)	1.112.376
Biến động các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD	(2.462.140)	3.036.970
Biến động tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả KBNN)	8.588.584	(3.110.902)
Biến động phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)	(341.064)	2.749.916
Biến động vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	24.332	35.422
Biến động các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	(9.347)	9.347
Biến động khác về công nợ hoạt động	(251.527)	(368.205)
Chi từ các quỹ của TCTD	(32.797)	(32.796)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	2.897.110	(3.220.481)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 04/TCTD
Đơn vị: Triệu đồng

CHỈ TIẾU	2012	2011
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Mua sắm tài sản cố định	(142.566)	(51.566)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	17	269
Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	175	-
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	(7.600)	(1.700)
Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	24	-
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	20.212	55.984
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(129.738)	2.987
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	(205.902)	(181.722)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(205.902)	(181.722)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	2.561.470	(3.399.216)
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm	5.828.896	9.228.112
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm	8.390.366	5.828.896

Ông Nguyễn Công Anh
Trưởng Phòng Kế toán Tổng hợp
và Thống kê

Ông Bùi Quốc Việt
Kế toán trưởng



Ông Phạm Duy Hiếu
Quyền Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều Hành
Ngân hàng TMCP An Bình

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cách đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Ngân hàng TMCP An Bình (gọi tắt là "Ngân hàng") được lập ngày 08 tháng 04 năm 2013 từ trang 4 đến trang 57. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Điều Hành và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Điều Hành tại trang 1 và 2, Ban Điều Hành Ngân hàng có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, báo cáo kiểm toán này được phát hành ngày 25 tháng 02 năm 2012 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng liên quan đến các số liệu và thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Điều Hành cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam.



Lê Đình Tú
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0488/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 08 tháng 04 năm 2013
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Thị Kim Khanh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0395/KTV

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B02/TCTD

Đơn vị: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	Thuyết minh		
		31/12/2012	31/12/2011
TÀI SẢN			
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý		382.092	465.014
Tiền gửi tại NHNN		1.975.390	823.202
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác		10.865.838	7.942.421
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác		6.355.871	7.734.873
Cho vay các TCTD khác		4.509.967	209.116
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác		-	(1.568)
Chứng khoán kinh doanh		1.810	3.355
Chứng khoán kinh doanh		4.711	11.243
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(2.901)	(7.888)
Các công cụ tài chính phải sinh và các tài sản tài chính khác		1.629	-
Cho vay khách hàng		18.342.169	19.597.646
Cho vay khách hàng		18.755.777	19.915.501
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng		(413.608)	(317.855)
Chứng khoán đầu tư		7.334.442	7.145.381
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		1.618.714	311.938
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		5.789.890	6.884.001
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		(74.162)	(50.558)
Góp vốn, đầu tư dài hạn		317.609	321.972
Đầu tư vào công ty con		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết		50.153	54.523
Đầu tư dài hạn khác		268.039	268.039
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(583)	(590)
Tài sản cố định		807.338	716.538
Tài sản cố định hữu hình		557.693	542.077
a. Nguyên giá TSCĐ		730.285	680.781
b. Hao mòn TSCĐ		(172.592)	(138.704)
Tài sản cố định vô hình		249.645	174.461
a. Nguyên giá TSCĐ		315.378	222.273
b. Hao mòn TSCĐ		(65.733)	(47.812)
Tài sản Có khác		5.985.369	4.526.430
Các khoản phải thu		3.243.935	3.592.779
Các khoản lãi, phí phải thu		1.022.997	627.973
Tài sản thuế TNDN hoàn lại		-	-
Tài sản Có khác		1.808.962	368.556
Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(90.525)	(62.878)
TỔNG TÀI SẢN		46.013.686	41.541.959

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	MẪU B02/TCTD	
		31/12/2012	31/12/2011
NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước		-	1.212.376
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	6.996.645	9.458.785	
Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	3.800.787	9.359.675	
Vay các tổ chức tín dụng khác	3.195.858	99.110	
Tiền gửi của khách hàng	28.734.042	20.249.558	
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	9.347	
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	75.602	51.270	
Phát hành giấy tờ có giá	4.624.036	5.239.916	
Các khoản nợ khác	683.116	597.617	
Các khoản lãi, phí phải trả	594.569	479.886	
Các khoản phải trả và công nợ khác	64.996	94.041	
Dự phòng rủi ro khác (Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng)	23.551	23.690	
Tổng nợ phải trả	41.113.441	36.818.869	
Vốn và các quỹ	4.501.755	4.392.971	
Vốn của tổ chức tín dụng	4.224.152	4.224.152	
a. Vốn điều lệ	4.200.000	4.200.000	
b. Vốn đầu tư XDCB	994	994	
c. Thặng dư vốn cổ phần	204.299	204.299	
d. Cổ phiếu quỹ	(181.141)	(181.141)	
Quỹ của tổ chức tín dụng	277.603	168.819	
Lợi nhuận chưa phân phối	398.490	330.119	
Tổng vốn chủ sở hữu	4.900.245	4.723.090	
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	46.013.686	41.541.959	

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CĂN ĐỒI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B02/TCTD

Đơn vị: Triệu đồng

	31/12/2012	31/12/2011
	Triệu đồng	Triệu đồng
Bảo lãnh tài chính	822.680	842.622
Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng	1.429.527	876.926
Bảo lãnh khác	1.140.755	1.063.542
Cam kết giao dịch mua hối đoái giao ngay	3	2.747
Cam kết giao dịch bán hối đoái giao ngay	3	2.692
Cam kết giao dịch mua ngoại tệ có kỳ hạn	116.683	-
Cam kết giao dịch bán ngoại tệ có kỳ hạn	116.481	-
Cam kết giao dịch hoán đổi tiền tệ	833.253	1.384.173
	4.459.385	4.172.702


Ông Nguyễn Công Anh
Trưởng Phòng Kế toán Tổng hợp
và Thống kê


Ông Bùi Quốc Việt
Kế toán trưởng


Ông Phạm Duy Hiếu
Quyền Tổng Giám đốc
Ngày 08 tháng 04 năm 2013



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B03/TCTD

Đơn vị: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	
	2012	2011
Thu từ lãi và các khoản thu nhập có tính chất lãi	4.711.628	5.090.760
Chi phí lãi và các khoản chi phí có tính chất lãi	(2.994.302)	(3.218.684)
Thu thuần từ lãi và các khoản thu nhập có tính chất lãi	1.717.326	1.872.076
Thu nhập từ các khoản phí và hoa hồng	162.210	181.537
Chi phí cho các khoản phí và hoa hồng	(61.599)	(170.650)
Thu thuần từ các khoản phí và hoa hồng	100.611	10.887
Lỗ thuần từ kinh doanh ngoại hối	(30.461)	(14.743)
Lãi / (Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	(3.182)	(4.861)
Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	(3.444)	(54.908)
Thu nhập hoạt động kinh doanh khác	8.961	11.874
Chi phí hoạt động khác	(5.785)	(8.910)
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	3.176	2.964
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	17.180	26.261
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(1.102.454)	(866.025)
Thu nhập thuần trước dự phòng cho các khoản lỗ tín dụng	698.752	971.651
Dự phòng cho các khoản lỗ tín dụng	(170.490)	(570.017)
Lợi nhuận trước thuế	528.262	401.634
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(128.972)	(94.588)
Lợi nhuận sau thuế	399.290	307.046


Ông Nguyễn Công Anh
Trưởng Phòng Kế toán Tổng hợp
và Thống kê


Ông Bùi Quốc Việt
Kế toán trưởng


Ông Phạm Duy Hiếu
Quyền Tổng Giám đốc
Ngày 08 tháng 04 năm 2013

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B04/TCTD

Đơn vị: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	2012	2011
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	4.316.604	4.780.960
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(2.879.619)	(3.122.393)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	100.611	10.887
Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)	(42.074)	(23.827)
Thu nhập khác	(3.936)	2.466
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn rủi ro	6.920	51
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(1.045.407)	(925.769)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	(151.305)	(108.886)
Lưu chuyền tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động	301.794	613.489
Những thay đổi về tài sản hoạt động	(1.660.149)	(7.210.557)
Biến động các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác	(1.579.648)	(2.376.068)
Biến động các khoản về kinh doanh chứng khoán	(106.133)	(3.094.681)
Biến động các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	(1.629)	2.238
Biến động các khoản cho vay khách hàng	1.159.724	(38.603)
Biến động nguồn dự phòng để bù đắp các khoản tổn thất	(52.847)	(469.747)
Biến động khác về tài sản hoạt động	(1.079.616)	(1.233.696)
Những thay đổi về công nợ hoạt động	4.208.537	3.335.057
Biến động các khoản nợ Chính phủ và NHNN	(1.212.376)	1.112.376
Biến động các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD	(2.462.140)	3.036.970
Biến động tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho bạc Nhà nước)	8.484.484	(3.207.755)
Biến động phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)	(9.347)	2.749.916
Biến động vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	24.332	35.422
Biến động khác về công nợ hoạt động	(241.952)	(368.423)
Chi từ quỹ của TCTD	(33.400)	(32.796)
Lưu chuyền tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	2.850.182	(3.262.011)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Mua sắm tài sản cố định	(142.609)	(52.808)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	17	269
Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	175	-
Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư	-	5.800
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	(7.600)	(1.700)
Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	24	-
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	17.180	25.994
Lưu chuyền tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(132.813)	(22.445)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B04/TCTD

Đơn vị: Triệu đồng

CHỈ TIÊU		
	2012	2011
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Tăng vốn cổ phần từ phát hành cổ phiếu	-	
Cổ tức trả cho cổ đông	(205.902)	(181.722)
Tiền chi mua cổ phiếu ngân quỹ	-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(205.902)	(181.722)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	2.511.467	(3.466.178)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	5.928.898	9.395.076
Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	-	
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	8.440.365	5.928.898


Ông Nguyễn Công Anh
Trưởng Phòng Kế toán Tổng hợp
và Thống kê


Ông Bùi Quốc Việt
Kế toán trưởng


Ông Phạm Duy Hiếu
Quyền Tổng Giám đốc
Ngày 08 tháng 04 năm 2013

